



Handwerkskammer
zu Leipzig

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
HỘI ĐỒNG THI QUỐC GIA

AVESTOS
BILDEN BETATEN BEGLEITEN

Herrn
Nhật Kha Vũ

Văn phòng BBA
Tầng 6 - Tòa nhà Minor - 67A
Trương Định, Q. Hai Bà Trưng,
Hà Nội
Email: vphoidongthi@gmail.com

Người liên hệ:

Ông: Nguyễn Viết Vinh

Tel: +84 98 8356323

E-Mail: vietvinh0976@gmail.com

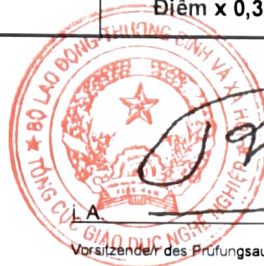
Prüf.-Nr/ Số báo danh.: 00527

Sie haben an der Abschlussprüfung Teil 1 im
Ausbildungsberuf **Kfz-Mechatroniker** teilgenommen
und folgende Ergebnisse erreicht:

Sinh viên có tên trên đã tham dự Kỳ thi tốt nghiệp
phần 1 của nghề **Công nghệ ô tô** và đạt được số
điểm như sau:

		Erreichte Punkte *) Điểm thi	Höchst- punkte Điểm tối đa	Divisor Hệ số
Arbeitsaufgabe – Teilaufgabe 1	Hợp phần bài thi thực hành 1	81	100	3
Arbeitsaufgabe – Teilaufgabe 2	Hợp phần bài thi thực hành 2	81	100	3
Arbeitsaufgabe – Teilaufgabe 3	Hợp phần bài thi thực hành 3	76	100	3
Zwischenergebnis	Kết quả trung gian	79		
Schriftliche Aufgaben	Bài thi viết	54	100	
Ergebnis (Zwischenergebnis mal Faktor 0,5 plus Ergebnis schriftliche Aufgaben mal Faktor 0,5)	Kết quả (kết quả trung gian nhân hệ số 0,5 cộng với kết quả của Bài thi viết nhân hệ số 0,5)	67	100	
Das Ergebnis der Abschlussprüfung wird aus dem Ergebnis von Teil 1 (35 %) und Teil 2 (65 %) der Abschlussprüfung gebildet.		Kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp được hình thành từ kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp phần 1 (35%) và Kỳ thi tốt nghiệp phần 2 (65%).		
Anrechnung als Teil 1 der Abschlussprüfung		Punkte x 0,35 =	23 %	
Số điểm Kỳ thi tốt nghiệp phần 1 khi tính điểm tốt nghiệp		Điểm x 0,35 =		

Siegel/ Đồng dấu



Ort/Datum

Địa điểm/Ngày

Vorsitzender des Prüfungsausschusses / Chủ tịch hội đồng thi

*) Punkte- und Notenschlüssel siehe Rückseite/ *) Thang tính điểm xem ở trang sau

Punkte- und Notenschlüssel/ Thang tính điểm

6	5	4	3	2	1
von - unter Từ... - dưới	von - unter Từ... - dưới	von - unter Từ... - dưới	von - unter Từ... - dưới	von - unter Từ... - dưới	von - unter Từ... - dưới
0 - 30	30 - 50	50 - 67	67 - 81	81 - 92	92 - 100

Erläuterungen des Notenschlüssels:

sehr gut:

Eine den Anforderungen in besonderem Maße entsprechende Leistung.

gut:

Eine den Anforderungen voll entsprechende Leistung.

befriedigend:

Eine den Anforderungen im Allgemeinen entsprechende Leistung.

ausreichend:

Eine Leistung, die zwar Mängel aufweist, aber im Ganzen noch den Anforderungen entspricht.

mangelhaft:

Eine Leistung, die den Anforderungen nicht entspricht, jedoch erkennen lässt, dass die notwendigen Grundfertigkeiten und Grundkenntnisse vorhanden sind.

ungenügend:

Eine Leistung, die den Anforderungen nicht entspricht und bei der selbst die Grundfertigkeiten und Grundkenntnisse lückenhaft sind.

Giải thích về thang điểm:

Rất tốt:

Kết quả đáp ứng các yêu cầu ở mức độ đặc biệt.

Tốt:

Kết quả đáp ứng đầy đủ các yêu cầu.

Khá:

Kết quả nhìn chung đáp ứng các yêu cầu.

Trung bình:

Kết quả còn có sai sót, nhưng vẫn đáp ứng các yêu cầu.

Yếu:

Kết quả không đạt yêu cầu, tuy nhiên có thể nhận ra rằng có kiến thức cơ bản.

Kém:

Kết quả không đạt yêu cầu và thể hiện thiếu kiến thức cơ bản.